

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-4-2024.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Lữ Khắc Hồi.

2/. Ông Huỳnh Văn Inh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HN ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Đặng Thị M, sinh năm 1975 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị M là nguyên đơn trình bày: bà và ông L do quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C vào ngày 14/4/2021, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng càng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, bà và ông L đã cố gắng vun đắp và hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không cải thiện được tình cảm cũng như hạnh phúc vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có sinh con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.
- Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ông Nguyễn Văn L là bị đơn trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà M, vì bà M đã bỏ đi cả năm nay không về, về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn L là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đặng Thị M là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn L là bị đơn, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay bà Đặng Thị M là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn L là bị đơn, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Văn L được xác lập vào năm 2021 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/4/2021 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà M và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà M cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng càng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, bà và ông L đã cố gắng vun đắp và hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không cải thiện được tình cảm cũng như hạnh phúc vợ chồng.

Ông L cho rằng bà M đã bỏ đi cả năm nay không về.

Nay bà M và ông L đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà M và ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: bà Đặng Thị M có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Đặng Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị M và ông Nguyễn Văn L được ly hôn.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

- **Về án phí:** bà Đặng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019030, ngày 27/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thu, bà Đặng Thị M đã nộp đủ tiền án phí, ông Nguyễn Văn L không phải nộp án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Linh